TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TỈNH CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Mai Quốc Đ, sinh ngày 01/01/1980 (có mặt).

Số CCCD: 096080014302; ngày cấp: 25/8/2022; nơi cấp: Cục quản Cảnh sát lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Kim N, sinh ngày 01/01/1972 (năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn 1970) (có mặt).

Số CCCD: 096172010250; ngày cấp: 09/8/2021; nơi cấp: Cục quản Cảnh sát lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Khóm T, phường L, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Quốc Đ trình bày: Vào năm 2001 ông và bà Đỗ Kim N tự nguyện chung sống với nhau và được cha mẹ tổ chức thành hôn theo phong tục truyền thống, đến năm năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 99/2006 ngày 28 tháng 8 năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nguyên

nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, bà N thường xuyên ghen tuông và hâm doạ giết ông; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 11 năm 2024 đến nay; ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đỗ Kim N. Trong quá trình chung sống ông và bà Đỗ Kim N có hai người con chung tên Mai Ngọc G, sinh năm 2002 và Mai Thanh T, sinh năm 2004; con chung đã thành niên và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 08 tháng 08 năm 2025 và tại phiên toà bị đơn bà Đỗ Kim N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như ông Đ trình bày. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng có cự cãi nhưng mâu thuẫn không trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống vì lý do vào tháng 11 năm 2024 ông Đ đi nước ngoài thăm con, sau đó khoảng 7 tháng thì ông Đ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà có nhiều lần đến gặp ông Đ nhưng ông đạt trốn tránh không gặp bà và ông Đ gởi đơn yêu cầu ly hôn với bà. Bà xác định còn thương ông Đ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà và ông Đ có hai người con chung đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Quốc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đỗ Kim N. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Quốc Đ và bà Đỗ Kim N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 99/2006 ngày 28 tháng 8 năm 2006 nên hôn nhân của ông Mai Quốc Đ và bà Đỗ Kim N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên toà ông Đ giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với bà N vì cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, ông Đ cho rằng không còn thương yêu bà N. Tại phiên toà bà N cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, bà N còn thương ông Đ nên không đồng ý ly hôn với ông Đ. Xét thấy, tại phiên toà ông Đ xác định không còn yêu thương bà N và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2024 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông Mai Quốc Đ với bà Đỗ Kim N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Mai Quốc Đ về việc yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Kim N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Đ và bà N có hai người con chung tên Mai Ngọc G, sinh năm 2002 và Mai Thanh T, sinh năm 2004. Hai người con chung của ông Đ và bà N đã thành niên và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung ông Mai Quốc Đ, bà Đỗ Kim N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông Đ và bà N không thoả thuận được việc chia tài sản chung và nợ chung thì ông Đ, bà N có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Mai Quốc Đ phải chịu 300.000đ, ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Mai Quốc Đ và bà Đỗ Kim N.

2. Về án phí: Ông Mai Quốc Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005745 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời; ông Đ đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều